

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP DAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP DAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAL CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DAL COINT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108289757

3. Ngày thành lập: 24/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 252 Lê Thanh Nghị, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
2.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	8299

4.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan - Thiết kế kết cấu công trình - Thiết kế điện – cơ điện công trình - Thiết kế cấp – thoát nước - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; - Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Tư vấn quản lý chi phí hạng 2, bao gồm: + Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; + Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; + Đo bóc khối lượng; + Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; + Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; + Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; + Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. - Lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình	7110(Chính)
5.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
6.	Xây dựng nhà các loại	4100
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

8.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;	7410
9.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
11.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
12.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
13.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
16.	Bốc xếp hàng hóa	5224
17.	Xây dựng công trình công ích	4220
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
19.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
20.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
23.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
24.	Quảng cáo	7310
25.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
26.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4512
27.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá);	4541
28.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá);	4543
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
30.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
31.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
32.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
33.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4520
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá);	4530

35.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
36.	Bán buôn thực phẩm	4632
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
38.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
39.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
42.	In ấn	1811
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
44.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
45.	Phá dỡ	4311
46.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
52.	Cho thuê xe có động cơ	7710
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;	7730
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Đại lý du lịch	7911
56.	Điều hành tua du lịch	7912
57.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
58.	Bán buôn gạo	4631

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	P502 – C2 ngõ 208 đường Giải phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	030075000159	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		
2	NGUYỄN VĂN LŨY	Thôn phương đàn, Xã Lê Hồ, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	30,000	168035147	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	30,000		
3	ĐINH HỒNG AN	51 Độc Lập, Phường 7, TP Tuy Hoà, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	25,000	221163824	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	25,000		
4	NGUYỄN XUÂN LONG	Thôn Lưu Phái, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	20,000	001076005886	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN LŨY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *24/01/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *168035147*

Ngày cấp: *14/12/2009*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Hà Nam*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn phương đàn, Xã Lê Hồ, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P304, tòa HH1C, phố Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*